THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /CT-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2018

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3253
Ngày: 7/9/18
Chuyển: Phong KTCT (VT)

CHỈ THỊ
Về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu

Trong những năm qua hoạt động xuất khẩu đã có bước tăng trưởng mạnh mẽ, bình quân giai đoạn 2016 - 2018 ước đạt 13,5%/năm. Xuất siêu được duy trì trong cả hai năm 2016 và 2017. Đặc biệt, xuất khẩu năm 2017 đạt thành tích cao cả về quy mô và tốc độ tăng trưởng, lần đầu tiên xuất khẩu của Việt Nam vượt mốc 200 tỷ USD, tăng 21,2% so với năm 2016, là điểm sáng trong bức tranh chung của nền kinh tế, phản ánh năng lực sản xuất trong nước tăng trưởng cao, công tác hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu đã đem lại những kết quả tích cực. Tính cả năm 2017, tổng trị giá hàng hóa xuất nhập khẩu cả nước đạt 428,13 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 215,12 tỷ USD, nhập khẩu là 213,01 tỷ USD.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, xuất khẩu của nước ta vẫn còn những hạn chế, tồn tại và đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng xuất khẩu dễ bị tác động bởi các yếu tố bên ngoài; xuất khẩu còn phụ thuộc nhiều vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và dựa mạnh vào nhóm hàng điện thoại, máy vi tính, điện tử; sản xuất một số mặt hàng nông, thủy sản còn manh mún, tự phát; chất lượng nông, thủy sản chưa được đồng đều. Thị trường xuất khẩu còn thiếu ổn định, đặc biệt là đối với các sản phẩm nông sản. Thương mại toàn cầu tiềm ẩn nhiều tủi ro, biến động khó lường; chủ nghĩa bảo hộ đang xuất hiện trở lại và thể hiện rõ ràng; cạnh tranh trên thị trường thế giới ngày càng trở nên gay gắt.

Trong bối cảnh đó, để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, thúc đẩy xuất khẩu tăng trưởng nhanh và bền vững, cùng với việc thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp tập trung thực hiện tốt một số mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU

1. Sản xuất gắn với nhu cầu và tín hiệu thị trường; cải thiện chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng hàng hóa xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất

khẩu của Việt Nam tham gia vào các chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

2. Xác định các sản phẩm xuất khẩu có tính cạnh tranh cao trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp; trên cơ sở đó thực hiện cơ cấu lại sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, gắn với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương, gắn với phát triển quy mô lớn, công nghệ cao, gắn với vệ sinh an toàn thực phẩm, ứng phó biến đổi khí hậu.

3. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, hướng tới phát triển xuất khẩu bền vững, khắc phục đầu tư tràn lan, theo phong trào, làm giảm hiệu quả của các sản phẩm xuất khẩu.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Cải cách thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí, loại bỏ những nút thắt, rào cản đối với xuất khẩu

a) Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp đã đề ra tại các Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ, Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và các giải pháp nhằm cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tháo gỡ các nút thắt đối với hoạt động sản xuất, chế biến, xuất khẩu, tạo thuận lợi để thúc đẩy xuất khẩu.

b) Các bộ, ngành khẩn trương xem xét lại một số quy định đối với sản xuất và nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất, chế biến để tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, cụ thể:

- Bộ Tài chính:

+ Có giải pháp giảm thời gian xem xét hồ sơ xin hoàn thuế VAT giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

+ Nghiên cứu, đề xuất hướng xử lý đối với các quy định về hoàn thuế VAT đối với hàng xuất khẩu dựa trên tỷ trọng tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm; xem xét đề xuất sửa đổi quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ theo hướng miễn thuế nhập khẩu đối với phần nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu được cơ sở sản xuất đưa đi gia công tại cơ sở khác và đối với phế liệu, phế phẩm từ nguồn nhập khẩu dư thừa sau sản xuất hàng xuất khẩu, trên cơ sở bình đẳng giữa loại hình sản xuất hàng xuất khẩu và loại hình gia công.

+ Xem xét đề xuất các quy định về ưu đãi thuế thu nhập của doanh nghiệp chế biến lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo hướng có chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp chế biến lâm sản tương tự như đối với doanh nghiệp nông sản, thủy sản.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét tháo gỡ quy định về kiểm tra chỉ tiêu một số hoạt chất trong các chỉ tiêu ô nhiễm trong nước thải của các doanh nghiệp chế biến thủy sản; áp dụng chế độ kiểm tra giảm và rút ngắn thời gian

ký quỹ đối với việc nhập khẩu phế liệu phục vụ sản xuất.

- Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét khả năng cho phép nhập khẩu đối với các loại máy móc, thiết bị chế biến gỗ đã qua sử dụng nhiều năm nhưng vẫn có giá trị sử dụng cao để giúp ngành chế biến gỗ xuất khẩu tiếp tục hạ giá thành.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất theo hướng bỏ hoặc giảm yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với gỗ nhập khẩu từ một số quốc gia không có nguy cơ cao, đã thực hiện hun trùng và khả năng chấp nhận Giấy kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu gỗ nguyên liệu; xem xét giảm yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với bông nhập khẩu từ các quốc gia không có nguy cơ cao.

c) Các bộ, ngành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Luật Quản lý ngoại thương; chủ động xây dựng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý; rà soát và công bố chi tiết Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa thuộc diện quản lý theo giấy phép, theo điều kiện kèm mã số hàng hóa (mã HS) theo quy định hiện hành.

d) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thúc đẩy việc triển khai Cơ chế Một cửa Quốc gia, Cơ chế Một cửa ASEAN; rà soát, áp mã HS cho toàn bộ danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc diện quản lý và kiểm tra chuyên ngành nhằm nâng cao tính minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp giảm bớt thời gian làm thủ tục xuất nhập khẩu.

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xem xét kiến nghị của các Hiệp hội ngành hàng liên quan đến việc thực thi Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm về quy định về thời gian làm thêm, lương tối thiểu, trợ cấp thất nghiệp.

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cảng biển quốc tế, cửa khẩu quốc tế rà soát lại các loại phí và mức phí thu vào hàng hóa xuất nhập khẩu, nhất là hàng xuất khẩu, để tiếp tục giảm phí cho doanh nghiệp.

2. Tăng cường công tác thông tin giúp định hướng sản xuất phục vụ xuất khẩu.

a) Bộ Công Thương chủ trì:

- Chỉ đạo hệ thống Thương vụ Việt Nam tại các thị trường ngoài nước tăng cường sự chủ động trong nắm bắt thông tin thị trường và các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam như sự thay đổi chính sách của nước nhập khẩu, các rào cản kỹ thuật, rủi ro trong thanh toán, các hoạt động tuyên

truyền thiếu thiện chí đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam; kịp thời thông tin để Chính phủ, các bộ, ngành, Hiệp hội và doanh nghiệp có phản ứng kịp thời.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ 6 tháng một lần phát hành Báo cáo đánh giá thị trường nông, thủy sản, trong đó đưa ra những thông tin, dự báo và đánh giá về tình hình cung cầu, giá cả, thị trường của một số nông, thủy sản xuất khẩu chính để doanh nghiệp và người dân có thông tin định hướng cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lập cơ sở dữ liệu về các biện pháp an toàn thực phẩm tại các thị trường xuất khẩu chính, công bố để các doanh nghiệp tham khảo. Tổ chức theo dõi, cập nhật thường xuyên cơ sở dữ liệu này để các doanh nghiệp chủ động và kịp thời điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

c) Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) xem xét, công bố thông tin về năng suất lao động chi tiết theo ngành kinh tế cấp 3 hoặc 4 đối với một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng phát triển xuất khẩu để làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp xây dựng định hướng phát triển sản xuất phù hợp.

3. Đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường, nâng cao chất lượng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm; tập trung các giải pháp tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp có thế mạnh là thủy sản, rau quả, cà phê, điều, hồ tiêu, gạo, sắn.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

a) Đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, tăng cường kiểm soát nguồn cung và định hướng sản xuất gắn với tín hiệu thị trường, triển khai các biện pháp tăng cường liên kết sản xuất trong nông nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh để phát triển các sản phẩm nông nghiệp phục vụ xuất khẩu.

Trước mắt, tập trung một số nội dung sau: nghiên cứu việc mở rộng diện tích trồng điều ở những vùng có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu phù hợp để đáp ứng nguồn nguyên liệu cho sản xuất, chế biến xuất khẩu hạt điều; đề xuất giải để khuyến khích người dân không khai thác sớm các diện tích rừng trồng; đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển mạnh sản xuất giống thủy sản, nhất là giống có khả năng kháng bệnh; sớm có giải pháp để tháo gỡ khó khăn, giúp người dân tái canh cây cà phê, từ đó ổn định sản lượng cà phê nhân xuất khẩu ở mức hợp lý; có biện pháp để kiểm soát tốt hơn diện tích trồng đối với một số mặt hàng đang có biểu hiện nguồn cung tăng cao so với nhu cầu như hồ tiêu, lúa nếp nhằm ổn định sản xuất, xuất khẩu có giá trị cao và bền vững; nghiên cứu quy hoạch các vùng trồng sắn để đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và nhu cầu sản xuất ethanol trong nước.

b) Triển khai các biện pháp để từng bước nâng cao và ổn định chất lượng nông sản, thủy sản xuất khẩu, đảm bảo đáp ứng các quy định ngày càng khắt khe của các thị trường nhập khẩu về chất lượng, an toàn thực phẩm:

- Áp dụng các giải pháp đồng bộ để chấm dứt hiện tượng có tạp chất và dư lượng kháng sinh cấm trong sản xuất tôm và thủy sản.

- Nghiên cứu khả năng áp dụng việc kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho hồ tiêu xuất khẩu.

- Đánh giá khả năng áp dụng việc kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm cho cả các lô hàng thủy sản xuất khẩu dưới hình thức tiểu ngạch vào thị trường có yêu cầu lô hàng xuất khẩu phải kèm theo chứng thư của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, bảo đảm uy tín cho thủy sản của Việt Nam.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thủy sản xuất khẩu để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về chống đánh bắt bất hợp pháp, không được báo cáo và không được quản lý (IUU), đồng thời tạo nền tảng phát triển bền vững ngành thủy sản, bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về khai thác biển và chứng nhận hải sản khai thác; cơ sở dữ liệu quốc gia về nuôi trồng thủy sản và chứng nhận thủy sản nuôi (tôm, cá tra).

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm đối với nông, thủy sản thông qua các biện pháp quản lý theo hệ thống từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến xuất khẩu như áp dụng GAP, CoC, HACCP; rà soát, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng nông, lâm, thủy sản và vật tư nông nghiệp theo hướng hài hòa với các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước nhập khẩu; xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại, vi phạm quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh làm mất uy tín nông, lâm, thủy sản Việt Nam.

- Áp dụng các giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; kiểm soát tốt việc lạm dụng kháng sinh, hóa chất công nghiệp và chất cấm trong chăn nuôi; tổ chức sản xuất, chăn nuôi theo chuỗi liên kết, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm chăn nuôi.

4. Phát triển sản xuất công nghiệp gắn với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương; gắn với phát triển quy mô lớn, công nghệ cao; phát triển công nghiệp hỗ trợ để nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu; tập trung các giải pháp tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp có thế mạnh là dệt may, da giầy, điện tử, gỗ và sản phẩm gỗ.

a) Bộ Công Thương chủ trì:

- Báo cáo Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp và đảm bảo mục tiêu phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ; phối hợp với Hiệp hội Dệt may

Việt Nam xây dựng trang thông tin điện tử, giao dịch trực tuyến các mặt hàng nguyên phụ liệu dệt may; phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ trọng tâm vào mặt hàng khuôn mẫu, linh kiện chất lượng cao, phục vụ sản xuất máy móc, thiết bị, điện tử..., kết nối doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Theo dõi và đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1137/QĐ-TTg ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Hiệp hội Dệt may Việt Nam và Tập đoàn Dệt may Việt Nam tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho ngành dệt may Việt Nam và đề xuất cơ chế thực hiện cho giai đoạn 2018 - 2020.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư, kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu và các ngành công nghiệp hỗ trợ, tập trung vào các dự án thân thiện với môi trường, có công nghệ tiên tiến, tạo ra phương thức sản xuất kinh doanh mới mang lại giá trị gia tăng và có cam kết chuyển giao công nghệ trong quá trình thực hiện. Không ưu đãi tràn lan cho các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ mà Việt Nam đã có đủ điều kiện để đầu tư.

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì:

- Phối hợp các bộ, ngành, Hiệp hội ngành hàng liên quan khẩn trương rà soát hoàn thiện hệ thống Tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mã số, mã vạch trong truy xuất nguồn gốc; xây dựng và triển khai đề án truy xuất nguồn gốc, đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có cơ chế khuyến khích áp dụng cách mạng công nghiệp 4.0 vào một số ngành ưu tiên, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

- Tổ chức việc đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp dệt may, da giày, chế biến gỗ trên cơ sở nhu cầu đào tạo về trình độ, số lượng và chất lượng được Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hiệp hội Dệt may Việt Nam, Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam xác định.

- Đề xuất triển khai các giải pháp, chính sách để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các ngành như thiết kế kiểu dáng, bao bì công nghiệp, thiết kế thời trang, marketing...

đ) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác đào tạo nghề, tạo nguồn lao động phù hợp cho các ngành đang có nhu cầu chuyển sang áp dụng công nghệ 4.0 như chế biến gỗ, dệt may, da giày...

e) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) và trên cơ sở lợi thế về điều kiện tự nhiên, lao động, sản xuất tại địa phương để phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực và có kế hoạch thu hút đầu tư vào sản xuất, chế biến các mặt hàng này hướng tới xuất khẩu; có định hướng xuất khẩu phù hợp và cụ thể đối với những mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của địa phương.

- Có chính sách thân thiện hơn đối với đầu tư dệt - nhuộm - hoàn tất; ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư công nghệ hiện đại xử lý nước thải.

5. Tăng cường công tác đàm phán, hội nhập để phát triển thị trường và tháo gỡ rào cản để thâm nhập các thị trường mới

a) Bộ Công Thương chủ trì:

- Chủ động, tích cực phối hợp với Ủy ban Châu Âu đẩy nhanh tiến độ rà soát pháp lý để tiến tới ký chính thức Hiệp định FTA Việt Nam - EU trong năm 2018, hướng đến phê chuẩn và thực thi Hiệp định vào vào cuối năm 2018 hoặc đầu năm 2019; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành hoàn thành hồ sơ xin phê chuẩn để sớm trình Quốc hội phê chuẩn Hiệp định CPTPP; nỗ lực yêu cầu các nước xóa bỏ tối đa thuế nhập khẩu và các rào cản phi thuế đối với hàng hóa của Việt Nam trong quá trình đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

- Căn cứ Chiến lược hội nhập và Chiến lược đàm phán các FTA, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành tổ chức nghiên cứu khả thi việc đàm phán, ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với một số thị trường tiềm năng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; tận dụng tiến trình rà soát các Hiệp định đã được đưa vào thực thi để đề nghị các đối tác mở cửa thêm cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

- Theo dõi và đôn đốc các bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án phát triển thị trường khu vực thời kỳ 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với các bộ, ngành tăng cường tận dụng cơ hội từ các Hiệp định FTA thông qua đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền rộng rãi về ưu đãi FTA, hướng tận dụng và cách tận dụng ưu đãi FTA, hướng dẫn các doanh nghiệp hiểu rõ và nắm được quy tắc xuất xứ của nước nhập khẩu; tổ chức việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo hướng hiện đại hóa, điện tử hóa, tăng cường triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai có hiệu quả các biện pháp nhằm đưa hàng Việt Nam thâm nhập sâu vào kênh phân phối tại thị trường nước ngoài theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với các cơ quan, địa phương, Hiệp hội ngành hàng tăng cường cơ chế cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp để chủ động phòng tránh các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài; tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện được nước ngoài khởi động, giải thích và đấu tranh ngay từ giai đoạn điều tra để giảm thiểu tác động bất lợi cho doanh nghiệp; hướng dẫn và đồng hành cùng doanh nghiệp trong việc đấu tranh và khởi kiện ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO đối với các biện pháp bảo hộ bất hợp lý, vi phạm quy định của WTO. Trước mắt, phối hợp với doanh nghiệp thủy sản giải quyết các tranh chấp với Hoa Kỳ để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho tôm và cá tra Việt Nam.

- Phối hợp với các cơ quan và chỉ đạo đơn vị liên quan theo dõi, tăng cường áp dụng các biện pháp phòng chống gian lận thương mại, gian lận xuất xứ để bảo vệ các ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam trước rủi ro của các vụ kiện "chống lẩn tránh" biện pháp phòng vệ thương mại.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì:

- Chú trọng và tăng cường công tác đàm phán tại các thị trường trọng điểm để giải quyết các vấn đề có liên quan tới hệ thống quản lý chất lượng cũng như tiêu chuẩn an toàn thực phẩm đối với nông, thủy sản (rau quả, thịt và sản phẩm thịt, sữa và sản phẩm sữa) để các mặt hàng này thâm nhập được vào các thị trường mà ta đã hoàn tất đàm phán mở cửa về thuế nhập khẩu. Khi xem xét và cho phép nước ngoài được xuất khẩu nông sản vào Việt Nam cần tiến hành trên cơ sở có đi có lại, công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, quy chuẩn và hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm để tạo thuận lợi hơn nữa cho xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các hộ nông dân không chỉ về tiêu chuẩn của nước nhập khẩu mà còn về phương thức sản xuất, nuôi trồng phù hợp để đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định về an toàn thực phẩm.

6. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu:

a) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương xem xét việc bổ sung kinh phí cho các hoạt động xúc tiến thương mại để tương xứng với kim ngạch xuất khẩu cũng như tiềm năng xuất khẩu.

b) Bộ Công Thương chủ trì:

- Nghiên cứu đổi mới toàn diện công tác xúc tiến thương mại theo hướng tăng tỷ trọng của các hoạt động có tác dụng lâu dài như đào tạo kỹ năng, giảm tỷ trọng của các hoạt động như tổ chức hội chợ, triển lãm hay tham gia hội chợ, triển lãm; chú trọng các chương trình xúc tiến thương mại trung và dài hạn hướng vào một mặt hàng, một thị trường cho tới khi đạt kết quả cụ thể; chú trọng đào tạo, phổ biến về quy tắc xuất xứ và cách đáp ứng quy tắc xuất xứ để giúp các doanh nghiệp nắm bắt được các cơ hội mở ra từ các FTA, nâng cao hơn nữa tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong các FTA; hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa đặc trưng thuộc chương trình thương hiệu quốc gia; ưu tiên các hoạt động giới thiệu, quảng bá các sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp là thế mạnh của Việt Nam; hỗ trợ phát triển các thị trường ngách đối với một số sản phẩm có giá trị gia tăng cao như bạch trà, cà phê hòa tan, gạo hữu cơ, tiêu trắng... sang Trung Đông, Liên bang Nga, Nam Trung Quốc.

- Đẩy mạnh hoạt động phát triển thương hiệu cho sản phẩm và doanh nghiệp xuất khẩu thông qua chương trình Thương hiệu quốc gia nhằm quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu ngành hàng, sản phẩm xuất khẩu tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm và có nhiều tiềm năng; lựa chọn và tập trung xây dựng thương hiệu cho một số ngành chủ lực như dệt may, thủy sản, trái cây,...

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Hiệp hội, doanh nghiệp xây dựng và thực thi các chiến lược và chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi nhận thức của một số thị trường trọng điểm về chất lượng nông, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam, nhất là thủy sản.

7. Đẩy mạnh các biện pháp về thanh toán, tín dụng, đảm bảo nguồn vốn phục vụ xuất khẩu

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì:

a) Đẩy mạnh thực hiện Chương trình kết nối doanh nghiệp tại các địa phương nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn vay, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

b) Nghiên cứu biện pháp giúp các doanh nghiệp khắc phục khó khăn trong khâu thanh toán tại một số thị trường như Trung Quốc (đối với thanh toán cho thương mại biên giới), Liên bang Nga, một số nước châu Phi để thúc đẩy xuất khẩu sang các thị trường này.

c) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng chủ động cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của khách hàng thực hiện tái canh cây cà phê theo quy định hiện hành về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; cải tiến quy trình, đơn giản hóa thủ tục cho vay nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn vay phục vụ nhu cầu tái canh cây cà phê.

8. Phát triển dịch vụ phục vụ xuất khẩu hàng hoá

a) Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các địa phương liên quan xây dựng, nâng cấp công trình giao thông, kho bãi, trung tâm logistics trên các tuyến đường, hành lang kết nối cảng của Việt Nam với các nước để đáp ứng nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa; chú trọng phát triển logistics và giao thông đường thủy khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

b) Các bộ, ngành, địa phương triển khai Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2017.

9. Tăng cường vai trò của các Hiệp hội ngành hàng

a) Các Hiệp hội ngành hàng đẩy mạnh công tác thông tin thị trường cho các hội viên để nâng cao tính chủ động, phòng ngừa rủi ro khi thị trường biến động; đẩy mạnh thông tin tới hội viên về các mô hình quản trị hiện đại, tầm quan trọng của cải tiến mẫu mã và đa dạng sản phẩm, nâng cao chất lượng, tạo sản phẩm có thương hiệu đối với hoạt động xuất khẩu.

b) Các Hiệp hội phát huy vai trò trong việc liên kết các hội viên, đại diện để bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của các hội viên trong thương mại quốc tế; thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp, phối hợp và hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước trong triển khai tổ chức đào tạo và tiếp nhận, sử dụng lao động sau đào tạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công Thương chủ trì, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).XH 105